

Số: 115/2026/TT-BCA

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ
Quy định về thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 215/2026/NĐ-CP quy định về an ninh hàng không;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về đối tượng, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp và trách nhiệm quản lý, sử dụng thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam.

Điều 3. Biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư

Các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này quy định tại Phụ lục I gồm:

- Mẫu số 01 về Công văn đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không.
- Mẫu số 02 về Công văn đề nghị cấp giấy phép, năng định chuyên môn cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.
- Mẫu số 03 về Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn.
- Mẫu số 04 về Danh sách trích ngang cán bộ, nhân viên cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn.
- Mẫu số 05 về Danh sách đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn.

6. Mẫu số 06 về Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn/ngắn hạn.

7. Mẫu số 07 về Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn.

8. Mẫu số 08 về Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn.

9. Mẫu số 09 về Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn.

10. Mẫu số 10 về Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn.

11. Mẫu số 11 về Thẻ giám sát viên an ninh hàng không.

12. Mẫu số 12 về Giấy phép thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không.

Chương II

THẺ, GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 4. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không gồm:

a) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không loại có giá trị sử dụng dài hạn và loại có giá trị sử dụng ngắn hạn theo các mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

b) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ loại có giá trị sử dụng dài hạn và loại có giá trị sử dụng ngắn hạn;

c) Thẻ nhận dạng tổ bay của hãng hàng không.

2. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải được bảo mật, chống làm giả; các thông tin cơ bản trên thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

3. Các quy định về giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không cấp cho phương tiện theo quy định của Thông tư này chỉ áp dụng đối với phương tiện tự hành và phương tiện giao thông đường bộ.

4. Thẻ nhận dạng tổ bay của các hãng hàng không; thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ không được giống với mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không và phải được thông báo cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Công an cấp tỉnh chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không nơi hãng hàng không khai thác, doanh nghiệp hoạt động để giám sát, quản lý.

5. Thẻ kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng dài hạn phải có các thông tin cơ bản sau đây:

- a) Số thẻ; ký hiệu của doanh nghiệp;
- b) Thời hạn hiệu lực của thẻ;
- c) Họ và tên của người được cấp thẻ;
- d) Chức danh của người được cấp thẻ;
- đ) Tên cơ quan, đơn vị của người được cấp thẻ;
- e) Ảnh của người được cấp thẻ;
- g) Khu vực hạn chế được phép vào và hoạt động (nếu có);
- h) Quy định về sử dụng thẻ.

6. Thẻ kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng ngắn hạn phải có các thông tin cơ bản quy định tại các điểm a, b, c, g và h khoản 5 Điều này.

7. Giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng dài hạn phải có các thông tin cơ bản sau đây:

- a) Số giấy phép;
- b) Thời hạn hiệu lực của giấy phép;
- c) Loại phương tiện;
- d) Biển kiểm soát phương tiện;
- đ) Khu vực hạn chế được phép vào và hoạt động (nếu có);
- e) Cổng ra, cổng vào;
- g) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản phương tiện.

8. Giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng ngắn hạn phải có các thông tin cơ bản quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 7 Điều này.

9. Thẻ nhận dạng tổ bay của hãng hàng không có các thông tin cơ bản sau đây:

- a) Số thẻ;
- b) Thời hạn hiệu lực của thẻ;
- c) Họ và tên của người được cấp thẻ;
- d) Chức danh của người được cấp thẻ;
- đ) Tên, biểu tượng hãng hàng không;
- e) Ảnh của người được cấp thẻ.

Điều 5. Thời hạn của thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn có thời hạn không quá 02 năm, kể từ ngày cấp.

2. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng

ngắn hạn có thời hạn không quá 30 ngày, kể từ thời điểm có hiệu lực.

3. Thẻ nhận dạng tổ bay của hãng hàng không Việt Nam và thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng dài hạn có thời hạn không quá 02 năm, kể từ ngày cấp.

4. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng ngắn hạn có thời hạn không quá 30 ngày, kể từ thời điểm có hiệu lực.

Điều 6. Đối tượng, điều kiện cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không

1. Đối tượng được xem xét cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn gồm:

a) Cán bộ, nhân viên của các hãng hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, du lịch tại khu vực hạn chế của cảng hàng không có hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc không xác định thời hạn theo quy định của pháp luật về lao động;

b) Nhân viên của doanh nghiệp giao nhận hàng hóa, bưu gửi bằng đường hàng không;

c) Nhân viên của doanh nghiệp thực hiện khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng công trình, trang thiết bị tại cảng hàng không;

d) Cán bộ, nhân viên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;

đ) Người của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

2. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không có án tích theo quy định của pháp luật;

b) Được hãng hàng không, doanh nghiệp chủ quản giao nhiệm vụ làm việc theo ca hoặc hàng ngày hoặc định kỳ theo tuần, tháng tại khu vực hạn chế của cảng hàng không trong thời gian từ 03 tháng liên tục trở lên hoặc có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực hàng không tại các khu vực hạn chế.

3. Đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không có án tích theo quy định của pháp luật;

b) Được doanh nghiệp quản lý giao nhiệm vụ làm việc theo ca hoặc hàng ngày hoặc định kỳ theo tuần, tháng tại khu vực hạn chế của cảng hàng không trong thời gian từ 03 tháng liên tục trở lên.

4. Đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn với điều kiện không có án

tích theo quy định của pháp luật và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Có nhiệm vụ thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng liên quan trực tiếp đến hoạt động hàng không dân dụng;

b) Phục vụ chuyên cơ, chuyên khoang theo quy định của pháp luật về chuyên cơ, chuyên khoang;

c) Thực hiện nhiệm vụ chuyên trách đón, tiễn các đoàn khách quốc tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp trung ương; cơ quan nhà nước cấp trung ương hoặc cấp tỉnh;

d) Thường xuyên, chuyên trách đưa, đón các đồng chí giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo cấp cao của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam được quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Cảnh vệ; Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; các đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bí thư Trung ương Đảng, nguyên Phó Chủ tịch nước, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ; Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Xây dựng; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; người điều khiển phương tiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 7 của Thông tư này;

đ) Được cơ quan, tổ chức chủ quản giao nhiệm vụ làm việc theo ca hoặc hàng ngày hoặc định kỳ theo tuần, tháng tại khu vực hạn chế của cảng hàng không trong thời gian từ 03 tháng liên tục trở lên hoặc có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực hàng không tại các khu vực hạn chế;

e) Các trường hợp đặc biệt do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm.

5. Đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này chỉ được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn vào cảng hàng không quốc tế nếu có công việc thường xuyên thuộc lĩnh vực ngoại giao, lãnh sự tại khu vực hạn chế cảng hàng không.

6. Đối tượng, điều kiện cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn như sau:

a) Các đối tượng có nhiệm vụ, công việc đột xuất tại khu vực hạn chế của cảng hàng không hoặc đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều này mà chưa được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn thì được xem xét cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn;

b) Người đến nhận thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn phải đọc, hiểu quy định về sử dụng thẻ của Thông tư này và cam kết phổ biến quy định về sử dụng thẻ đến người sử dụng thẻ. Người sử dụng thẻ chịu trách nhiệm tự liên hệ để có người hộ tống vào, hoạt động tại khu vực hạn chế theo quy định;

c) Các trường hợp đặc biệt do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm.

Điều 7. Đối tượng, điều kiện cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không

1. Đối tượng được xem xét cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn gồm:

a) Phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không;

b) Phương tiện thuộc quản lý của cơ quan Đảng, Nhà nước có nhiệm vụ phục vụ chuyên cơ, chuyên khoang;

c) Phương tiện thuộc quản lý của cơ quan Đảng, Nhà nước và chuyên phục vụ các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước nêu tại điểm d khoản 4 Điều 6 của Thông tư này.

2. Đối tượng được xem xét cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn gồm:

a) Phương tiện sử dụng để đưa đón khách quốc tế từ cấp Bộ trưởng trở lên;

b) Phương tiện thực hiện các nhiệm vụ đột xuất về quản lý nhà nước, quốc phòng, an ninh, y tế, ngoại giao; phục vụ hoạt động của cảng hàng không tại khu vực hạn chế;

c) Phương tiện quy định tại khoản 1 Điều này nhưng chưa được cấp giấy phép có giá trị sử dụng dài hạn;

d) Các trường hợp đặc biệt do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm.

3. Người đến nhận giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn phải đọc, hiểu quy định về sử dụng giấy phép của Thông tư này và cam kết phổ biến quy định về sử dụng giấy phép đến người sử dụng phương tiện được cấp giấy phép. Người sử dụng phương tiện được cấp giấy phép chịu trách nhiệm tự liên hệ để có người hộ tống hoặc phương tiện dẫn đường theo quy định về việc ra, vào và hoạt động tại khu vực hạn chế.

Điều 8. Nguyên tắc cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không

1. Nguyên tắc cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không:

a) Người làm việc tại một cảng hàng không chỉ được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn tại cảng hàng không nơi làm việc;

b) Người làm việc tại nhiều cảng hàng không được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn tại các cảng hàng không nơi làm việc;

c) Người có nhiệm vụ tại khu vực hạn chế nào chỉ được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không vào khu vực hạn chế đó; người có nhiệm vụ tại khu vực hạn chế trong thời gian nào chỉ được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng trong thời gian đó;

d) Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn chỉ được phép sử dụng tại một cảng hàng không.

2. Nguyên tắc cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không:

a) Phương tiện có nhiệm vụ tại khu vực hạn chế nào chỉ được cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không vào khu vực hạn chế đó; phương tiện có nhiệm vụ tại khu vực hạn chế trong thời gian nào chỉ được cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng trong thời gian đó;

b) Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn chỉ được phép sử dụng tại một cảng hàng không.

Điều 9. Thẩm quyền cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Cục Quản lý xuất nhập cảnh có thẩm quyền cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn tại một hoặc từ hai cảng hàng không trở lên.

2. Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn tại cảng hàng không được phân công chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không.

3. Công an cấp tỉnh có thẩm quyền cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn tại các cảng hàng không do Công an cấp tỉnh chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không.

4. Các hãng hàng không cấp thẻ nhận dạng tổ bay được phép vào và hoạt động tại các khu vực hạn chế có liên quan đến nhiệm vụ của tổ bay.

5. Doanh nghiệp chủ quản khu vực hạn chế sử dụng riêng cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ được phép vào và hoạt động tại các khu vực hạn chế sử dụng riêng của doanh nghiệp.

Điều 10. Trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không

1. Trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn như sau:

a) Cơ quan đề nghị cấp thẻ, giấy phép nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Phụ lục III kèm Thông tư này đến cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ, giấy phép;

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp thẻ, giấy phép thông báo đề nghị bổ sung hồ sơ theo quy định. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mà cơ quan, đơn vị đề nghị cấp thẻ, giấy phép không phản hồi hoặc không bổ sung hồ sơ theo đúng quy định hoặc không đóng phí, cơ quan cấp thẻ, giấy phép từ chối cấp thẻ, giấy phép và gửi thông báo bằng văn bản trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ đã thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định, nếu đủ điều kiện theo quy định, cơ quan cấp thẻ, giấy phép thực hiện việc cấp thẻ, giấy phép; nếu không đủ điều kiện theo quy định, cơ quan cấp thẻ, giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên môi trường điện tử cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

d) Cơ quan đề nghị cấp thẻ, giấy phép có thể lựa chọn nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan cấp thẻ, giấy phép hoặc qua dịch vụ bưu chính; trường hợp nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì phải trả phí chuyển phát.

2. Trình tự, thủ tục cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn như sau:

a) Cơ quan đề nghị cấp thẻ, giấy phép nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này đến cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ, giấy phép;

b) Trong thời hạn không quá 60 phút, kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ đã thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định; nếu đủ điều kiện theo quy định, cơ quan cấp thẻ, giấy phép thực hiện việc cấp thẻ, giấy phép; nếu không đủ điều kiện theo quy định, cơ quan cấp thẻ, giấy phép thông báo trực tiếp hoặc trên môi trường điện tử cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

c) Cơ quan đề nghị cấp thẻ, giấy phép nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan cấp thẻ, giấy phép.

3. Trong thời hạn quy định điểm c khoản 1 Điều này cơ quan cấp, cơ quan, đơn vị và cá nhân đề nghị cấp thẻ, giấy phép có trách nhiệm sau đây:

a) Cơ quan cấp thẻ, giấy phép chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ và các nội dung về đối tượng, điều kiện, phạm vi và thời hạn cấp thẻ, giấy phép;

b) Cơ quan, đơn vị và cá nhân đề nghị cấp thẻ, giấy phép có trách nhiệm giải trình và cung cấp các tài liệu chứng minh cho cơ quan cấp thẻ, giấy phép để làm rõ các nội dung quy định tại điểm a khoản 3 Điều này trong quá trình thẩm

định hồ sơ;

c) Cơ quan cấp thẻ, giấy phép có quyền từ chối cấp thẻ, giấy phép nếu đơn vị và cá nhân đề nghị cấp thẻ, giấy phép không giải trình và cung cấp tài liệu chứng minh hoặc vi phạm các quy định về việc quản lý, sử dụng thẻ, giấy phép hoặc phát hiện hành vi khai, xác nhận không trung thực trong hồ sơ đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Điều 11. Quản lý, sử dụng thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không

1. Người được cấp thẻ, người sử dụng phương tiện được cấp giấy phép phải sử dụng đúng mục đích, bảo quản, giữ gìn thẻ, giấy phép, không cho người khác sử dụng dưới bất cứ hình thức nào. Trường hợp người, phương tiện được cấp thẻ, giấy phép không còn nhiệm vụ tại khu vực hạn chế thì phải nộp lại thẻ, giấy phép cho cơ quan đề nghị cấp thẻ, giấy phép để trả lại thẻ, giấy phép cho cơ quan cấp. Trường hợp bị mất thẻ, giấy phép phải báo ngay cho cơ quan cấp và cơ quan chủ quản của mình.

2. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không sẽ bị thu hồi nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Người sử dụng thẻ, người sử dụng phương tiện được cấp giấy phép vi phạm quy định về an ninh hàng không;

b) Người sử dụng thẻ, người sử dụng phương tiện được cấp giấy phép gây rối trật tự tại cảng hàng không;

c) Người sử dụng thẻ, người sử dụng phương tiện được cấp giấy phép vi phạm quy định về sử dụng thẻ, giấy phép;

d) Người được cấp thẻ không còn đáp ứng về đối tượng, điều kiện cấp thẻ;

đ) Phương tiện được cấp giấy phép không còn đáp ứng về đối tượng, điều kiện cấp giấy phép.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý người, phương tiện được cấp thẻ, giấy phép chịu trách nhiệm:

a) Bảo đảm người, phương tiện được đề nghị cấp thẻ, giấy phép đúng đối tượng theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Thông tư này;

b) Bảo đảm tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp thẻ, giấy phép;

c) Giải trình và cung cấp các tài liệu chứng minh cho cơ quan cấp thẻ, giấy phép trong quá trình thẩm định hồ sơ;

d) Quy định việc quản lý và sử dụng thẻ, giấy phép của các cá nhân, phương tiện của đơn vị mình khi được cấp để bảo đảm sử dụng đúng mục đích. Thu hồi và bàn giao cho cơ quan cấp trong trường hợp thẻ, giấy phép bị thu hồi theo quy định tại khoản 2 Điều này và thẻ, giấy phép bị hủy giá trị sử dụng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Thông tư này. Thông báo ngay bằng văn bản các trường hợp

mất thẻ, giấy phép cho cơ quan cấp thẻ, giấy phép. Trong vòng 15 ngày sau khi thẻ, giấy phép hết hạn sử dụng phải tiêu hủy thẻ, giấy phép.

4. Người vào, ra và hoạt động tại khu vực hạn chế phải có thẻ kiểm soát an ninh hàng không do cơ quan có thẩm quyền cấp, trừ trường hợp là hành khách đi tàu bay hoặc trong trường hợp khẩn nguy an ninh, an toàn tại cảng hàng không.

Điều 12. Niêm yết và lưu trữ hồ sơ cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không

1. Tại nơi cấp thẻ, giấy phép phải niêm yết quy định về hồ sơ và quy trình cấp thẻ, giấy phép; phải có sổ giao nhận thẻ, giấy phép.

2. Hồ sơ cấp thẻ, giấy phép phải được lưu trữ, tiêu hủy theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 13. Các trường hợp thẻ, giấy phép bị hủy giá trị sử dụng và cấp lại thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không

1. Thẻ, giấy phép bị hủy giá trị sử dụng trong các trường hợp sau:

a) Thẻ, giấy phép bị hỏng; nội dung trên thẻ, giấy phép bị mờ, không còn dấu hiệu bảo mật;

b) Các trường hợp bị thu hồi thẻ, giấy phép quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư này;

c) Thẻ, giấy phép bị mất;

d) Các trường hợp phải thu hồi thẻ, giấy phép nhưng người, đơn vị được cấp không trả lại thẻ, giấy phép cho cơ quan cấp.

2. Cơ quan cấp thẻ, giấy phép phải cập nhật vào cơ sở dữ liệu hoặc thông báo ngay bằng văn bản danh sách các trường hợp mất thẻ, giấy phép cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không để kịp thời ngăn chặn việc sử dụng thẻ, giấy phép đã mất. Trong vòng 15 ngày sau khi nhận được thẻ, giấy phép bị hủy giá trị sử dụng cơ quan cấp thẻ, giấy phép phải tiêu hủy thẻ, giấy phép.

3. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không được xem xét cấp lại trong những trường hợp sau:

a) Thẻ, giấy phép còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật;

b) Thẻ, giấy phép hết thời hạn sử dụng; bị mất; do thay đổi vị trí, nhiệm vụ công tác, tên cơ quan đề nghị cấp thẻ thay đổi.

Chương III
THẺ GIÁM SÁT VIÊN AN NINH HÀNG KHÔNG,
GIÁM SÁT VIÊN AN NINH NỘI BỘ

Điều 14. Thẻ giám sát viên an ninh hàng không, giám sát viên an ninh nội bộ

1. Thẻ giám sát viên an ninh hàng không quy định tại Phụ lục I kèm theo

Thông tư này.

2. Thẻ giám sát viên an ninh nội bộ do hãng hàng không, doanh nghiệp có chương trình an ninh hàng không cấp không được giống với mẫu thẻ giám sát an ninh hàng không và phải thông báo cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Công an cấp tỉnh chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không nơi hãng hàng không khai thác, doanh nghiệp hoạt động để giám sát, quản lý.

3. Thẻ giám sát viên an ninh hàng không, thẻ giám sát viên an ninh nội bộ phải được bảo mật, chống làm giả.

4. Thẻ giám sát viên an ninh hàng không chỉ có giá trị sử dụng trong nhiệm kỳ của giám sát viên an ninh hàng không theo quyết định bổ nhiệm của Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

Điều 15. Đối tượng, điều kiện được cấp thẻ giám sát viên an ninh hàng không

Cán bộ, chiến sĩ Cục Quản lý xuất nhập cảnh và Công an cấp tỉnh chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không được cấp thẻ giám sát viên an ninh hàng không khi đủ các điều kiện sau:

1. Có thời gian làm việc trong lĩnh vực an ninh hàng không hoặc lĩnh vực bảo đảm an ninh quốc gia tối thiểu 02 năm.

2. Đã hoàn thành khóa học nghiệp vụ giám sát viên an ninh hàng không và được cấp chứng chỉ theo quy định về huấn luyện an ninh hàng không.

Điều 16. Đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại thẻ giám sát viên an ninh hàng không

1. Đình chỉ hiệu lực thẻ giám sát viên an ninh hàng không trong các trường hợp sau:

- a) Đang bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự;
- b) Có dấu hiệu vi phạm quy định, quy trình nghiệp vụ giám sát an ninh hàng không;
- c) Các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thu hồi thẻ giám sát viên an ninh hàng không trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đảm nhiệm nhiệm vụ giám sát an ninh hàng không;
- b) Sử dụng thẻ không đúng mục đích;
- c) Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức, buộc thôi việc hoặc bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

3. Cấp lại thẻ giám sát viên an ninh hàng không do thẻ còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật hoặc bị mất.

4. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh quyết định việc đình chỉ hiệu lực, thu hồi và cấp lại của thẻ giám sát viên an ninh hàng không.

Điều 17. Thẩm quyền cấp thẻ giám sát viên an ninh hàng không và thẻ giám sát viên an ninh nội bộ

1. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có thẩm quyền cấp thẻ giám sát viên an ninh hàng không.

2. Hãng hàng không, doanh nghiệp có chương trình an ninh hàng không quyết định việc cấp thẻ giám sát viên an ninh nội bộ.

Chương IV

GIẤY PHÉP, NĂNG ĐỊNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 18. Giấy phép, năng định đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

1. Giấy phép thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

2. Giấy phép thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không của cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không có hiệu lực là 08 năm, kể từ ngày cấp. Thời hạn năng định đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không như sau:

a) Đối với cán bộ, chiến sĩ kiểm soát an ninh hàng không, thời hạn hiệu lực của năng định an ninh soi chiếu là 12 tháng;

b) Đối với nhân viên kiểm soát an ninh hàng không của doanh nghiệp, thời hạn hiệu lực của năng định an ninh soi chiếu là 12 tháng; thời hạn năng định an ninh kiểm soát, an ninh cơ động là 24 tháng;

c) Trường hợp không làm công việc được năng định trong thời gian trên 06 tháng liên tục, năng định được cấp sẽ mất hiệu lực, khi trở lại làm việc phải qua kỳ sát hạch phục hồi năng định.

Điều 19. Đối tượng, điều kiện cấp giấy phép, năng định đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

1. Cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không khi thực hiện nhiệm vụ phải có giấy phép và năng định còn hiệu lực do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp.

2. Điều kiện được cấp giấy phép và năng định như sau:

a) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp; có thời gian thực tập nghiệp vụ chuyên môn phù hợp tối thiểu là 01 tháng do cơ quan chủ quản xác nhận;

b) Tham dự kỳ sát hạch cấp giấy phép và năng định chuyên môn về an ninh

hàng không do Hội đồng sát hạch cấp giấy phép, năng định cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không của Cục Quản lý xuất nhập cảnh tổ chức đạt từ 85 điểm trở lên và không bị điểm 0 (không).

Điều 20. Thẩm quyền cấp giấy phép, năng định đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

Cục Quản lý xuất nhập cảnh có thẩm quyền cấp giấy phép và năng định đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

Điều 21. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép, năng định đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

1. Cơ quan, đơn vị đề nghị cấp phép lần đầu, cấp lại giấy phép và gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử 01 hồ sơ quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin ghi trong hồ sơ.

2. Cục Quản lý xuất nhập cảnh thẩm định hồ sơ, như sau:

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc cơ quan đề nghị chưa nộp phí theo quy định, Cục Quản lý xuất nhập cảnh thông báo và đề nghị bổ sung hồ sơ theo quy định;

b) Cục Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức sát hạch và cấp, cấp lại giấy phép, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định cho cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không trong thời hạn 20 ngày làm việc đối với cấp giấy phép lần đầu, cấp lại giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định; trong thời hạn 07 ngày làm việc đối với cấp lại giấy phép bị mất, hỏng kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; giấy phép, năng định cấp, cấp lại, gia hạn, bổ sung, phục hồi được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến cơ quan, đơn vị đề nghị cấp; trường hợp không cấp, cấp lại, gia hạn, bổ sung, phục hồi giấy phép, năng định phải thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên môi trường điện tử về việc không cấp và nêu rõ lý do.

Điều 22. Đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép, năng định đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

1. Cục Quản lý xuất nhập cảnh đình chỉ hiệu lực hoặc thu hồi giấy phép thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không (không áp dụng đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không đã bị tước giấy phép theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng) trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi khi người được cấp giấy phép không còn đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Thông tư này;

b) Đình chỉ hiệu lực giấy phép trong thời gian tối đa 01 tháng đối với các

trường hợp: bị kỷ luật khiển trách; có sai phạm về chuyên môn nghiệp vụ nhưng chưa gây ra hậu quả mất an ninh;

c) Đình chỉ hiệu lực giấy phép trong thời gian tối đa 03 tháng đối với các trường hợp kỷ luật khiển trách lần thứ 02 hoặc cảnh cáo;

d) Đình chỉ hiệu lực giấy phép trong thời gian tối đa 06 tháng đối với các trường hợp thực hiện nhiệm vụ không đúng với nghiệp vụ chuyên môn được cấp phép, năng định;

đ) Thu hồi đối với các trường hợp khi người được cấp giấy phép: có sai phạm về chuyên môn nghiệp vụ gây ra hậu quả mất an ninh hàng không tại cảng hàng không; có hành vi che giấu lỗi vi phạm quy định về an ninh hàng không; nghỉ hưu theo quy định của pháp luật; được điều động, luân chuyển, bố trí hoặc chuyển sang vị trí công tác không trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không.

2. Người bị thu hồi giấy phép thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không quy định tại khoản 1 Điều này khi trở lại làm việc phải qua sát hạch cấp lại giấy phép, năng định cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

Điều 23. Hội đồng sát hạch

1. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh thành lập Hội đồng sát hạch để tổ chức sát hạch cấp giấy phép, năng định cho cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không và quy định quy chế làm việc của Hội đồng sát hạch. Thành phần Hội đồng sát hạch gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng sát hạch là lãnh đạo Cục Quản lý xuất nhập cảnh;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng sát hạch là lãnh đạo Trung tâm An ninh hàng không quốc gia;
- c) Thư ký Hội đồng sát hạch là cán bộ, chiến sĩ Trung tâm An ninh hàng không quốc gia;
- d) Thành viên Hội đồng sát hạch là cán bộ, chiến sĩ Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

2. Cục Quản lý xuất nhập cảnh được phép sử dụng cơ sở vật chất, chuyên gia của các tổ chức trong và ngoài nước để tổ chức sát hạch cho cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

3. Hội đồng sát hạch làm việc phải có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự, quyết định theo đa số; trường hợp các thành viên trong Hội đồng có ý kiến ngang nhau thì thực hiện theo kết luận của Chủ tịch Hội đồng.

4. Hội đồng sát hạch có các nhiệm vụ sau:

- a) Thành lập Tổ sát hạch gồm ít nhất 01 thành viên Hội đồng sát hạch là Tổ trưởng và các sát hạch viên;

b) Tổ chức xây dựng kế hoạch sát hạch, quy trình sát hạch, nội dung sát hạch, ngân hàng câu hỏi sát hạch trình Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh ban hành;

c) Kiểm tra phương tiện, trang thiết bị, địa điểm sát hạch, phương án bảo đảm an toàn trong quá trình sát hạch;

d) Tổ chức sát hạch và báo cáo Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh kết quả sát hạch để cấp giấy phép, năng định cho cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không;

5. Chủ tịch Hội đồng sát hạch chịu trách nhiệm về việc lựa chọn sát hạch viên và kết quả sát hạch trước Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

Điều 24. Nhiệm vụ của Tổ sát hạch

1. Thực hiện việc sát hạch, tổng hợp kết quả, đánh giá kỳ sát hạch để báo cáo Hội đồng sát hạch.

2. Tổng hợp kết quả sát hạch, báo cáo Hội đồng sát hạch.

3. Yêu cầu thí sinh chấp hành nội quy sát hạch; không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết, sát hạch thực hành.

4. Lập biên bản các trường hợp vi phạm để xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo Hội đồng sát hạch xử lý vi phạm theo quy định.

5. Tổ trưởng Tổ sát hạch chịu trách nhiệm về kết quả sát hạch trước Hội đồng sát hạch.

6. Biên soạn đề sát hạch, thang điểm và báo cáo Chủ tịch Hội đồng sát hạch quyết định.

Điều 25. Sát hạch viên

1. Sát hạch viên là thành viên Tổ sát hạch, được lựa chọn từ cán bộ, chiến sĩ của Cục Quản lý xuất nhập cảnh và Phòng Quản lý xuất nhập cảnh thuộc Công an cấp tỉnh chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung.

2. Tiêu chuẩn của sát hạch viên:

a) Có tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống tốt, không vi phạm kỷ luật trong 03 (ba) năm gần nhất;

b) Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực tham gia sát hạch;

c) Có kinh nghiệm ít nhất 03 (ba) năm làm việc ở vị trí chuyên môn phù hợp với lĩnh vực sát hạch.

Điều 26. Lập, quản lý và lưu trữ hồ sơ sát hạch

1. Hội đồng sát hạch có trách nhiệm lập, quản lý đầy đủ hồ sơ sát hạch trong quá trình tổ chức sát hạch.

2. Hồ sơ sát hạch bao gồm: Biên bản sát hạch; kết quả sát hạch; danh sách thí sinh tham dự sát hạch; các tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc tổ chức và báo cáo kết quả sát hạch.

3. Cục Quản lý xuất nhập cảnh thực hiện việc quản lý, lưu trữ, khai thác, sử dụng và tiêu hủy hồ sơ sát hạch theo quy định của pháp luật liên quan.

Chương V

THẺ, GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG CHUYỂN BAY CHUYÊN CƠ, CHUYÊN KHOANG

Điều 27. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không cấp cho người, phương tiện phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang

1. Việc cấp, quản lý và sử dụng thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không cho người, phương tiện phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang thực hiện theo quy định tại Chương II của Thông tư này.

2. Mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không cấp cho người, phương tiện phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

3. Người đứng đầu đơn vị tham gia phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang lập danh sách người, phương tiện thường xuyên phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang đề nghị cơ quan cấp thẻ, giấy phép để cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn, trong đó phải nêu rõ nhiệm vụ thường xuyên của người, phương tiện được đề nghị cấp thẻ, giấy phép phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang.

4. Người đứng đầu đơn vị tham gia phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang lập danh sách người, phương tiện đề nghị cơ quan cấp thẻ, giấy phép để cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn, trong đó nêu rõ nhiệm vụ cụ thể của người, phương tiện phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang.

5. Khi thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, an toàn đối tượng cảnh vệ, lực lượng Cảnh vệ Công an nhân dân sử dụng thẻ người, phù hiệu xe ô tô, PIN an ninh do Tư lệnh Bộ Tư lệnh cảnh vệ duyệt cấp để hoạt động tại các khu vực hạn chế và phải thông báo mẫu thẻ, phù hiệu, PIN an ninh cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh để phối hợp kiểm soát.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Thay thế cụm từ “cảng hàng không, sân bay” bằng cụm từ “cảng hàng không” tại các Điều 3, Điều 4, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, khoản 5 Điều 26, Điều 28, Điều 29, Điều 30, khoản 4

Điều 31, khoản 4 Điều 33, khoản 2 Điều 34, Điều 35, điểm d khoản 2 Điều 36, Điều 37, khoản 3 Điều 38, Điều 40, khoản 3 Điều 45, khoản 8 Điều 46, khoản 4 Điều 47, khoản 6 Điều 48, Điều 50, Điều 51, khoản 2 Điều 54, khoản 1 Điều 56, điểm b khoản 4 Điều 58, Điều 61, Điều 62, điểm a khoản 1 Điều 63, Điều 64, khoản 1 Điều 65, khoản 1 Điều 66, khoản 2 Điều 69, khoản 2 Điều 70, điểm a khoản 1 Điều 73, Điều 76, Điều 77, khoản 3 Điều 78, Điều 80, Điều 81, khoản 1 Điều 82, khoản 1 Điều 83, điểm b khoản 2 Điều 86, khoản 2 Điều 87, Điều 89, Điều 90, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95 và các Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục V, Phụ lục VII, Phụ lục IX, Phụ lục XII tại Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

3. Thông tư này thay thế, bãi bỏ các văn bản sau:

a) Thay thế Thông tư số 31/2025/TT-BCA ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không;

b) Bãi bỏ Phụ lục IA kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp

1. Thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, được tiếp tục sử dụng cho đến khi hết thời hạn hiệu lực ghi trên thẻ, giấy phép, chứng nhận và xử lý theo quy định hiện hành.

2. Hồ sơ đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, giấy phép thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không, năng định chuyên môn đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Thông tư số 31/2025/TT-BCA ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không.

Điều 30. Trách nhiệm của Cục Quản lý xuất nhập cảnh

1. Chủ trì, tham mưu lãnh đạo Bộ Công an chỉ đạo thực hiện việc cấp, quản lý, giám sát, hướng dẫn sử dụng thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không.

2. Kiểm tra, hướng dẫn Công an cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện công tác cấp, quản lý, sử dụng thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không.

3. Trong trường hợp áp dụng biện pháp an ninh tăng cường, khẩn nguy an ninh hoặc vì lý do an ninh, Cục Quản lý xuất nhập cảnh quyết định việc hạn chế người, phương tiện đã được cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không vào các khu vực hạn chế và trao đổi ngay Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không liên quan.

4. Chủ trì, phối hợp với Cục Công nghiệp An ninh sản xuất phôi thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh bảo đảm yếu tố bảo mật, chống làm giả, cung ứng kịp thời yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Tư lệnh Cảnh vệ

Chủ trì, tham mưu lãnh đạo Bộ Công an ban hành hướng dẫn trình tự, thủ tục, đối tượng cấp, quản lý, sử dụng thẻ, phù hiệu, PIN an ninh để hoạt động tại các khu vực hạn chế cảng hàng không phục vụ chuyến bay chuyên cơ theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Thông tư này.

Điều 32. Trách nhiệm của Công an cấp tỉnh chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không

1. Chủ trì thực hiện việc cấp, quản lý, giám sát, hướng dẫn sử dụng thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không tại các cảng hàng không do Công an cấp tỉnh chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không.

2. Trong trường hợp áp dụng biện pháp an ninh tăng cường, khẩn nguy an ninh hoặc vì lý do an ninh, Công an cấp tỉnh quyết định việc hạn chế người, phương tiện đã được cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không vào các khu vực hạn chế và trao đổi ngay Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Cảng vụ hàng không liên quan.

Điều 33. Tổ chức thực hiện

1. Cục Quản lý xuất nhập cảnh chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo, trao đổi về Bộ Công an (qua Cục Quản lý xuất nhập cảnh) để được hướng dẫn. /

Nơi nhận:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ;
- Công an các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Công an;
- Lưu: VT, PC&CCHCTP, QLXNC.

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Lương Tam Quang

PHỤ LỤC I
MẪU CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ CẤP VÀ MẪU THẺ, GIẤY PHÉP,
CHỨNG NHẬN AN NINH HÀNG KHÔNG
(Kèm theo Thông tư số 115/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)

Mẫu số 01	Công văn đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không
Mẫu số 02	Công văn đề nghị cấp giấy phép, năng định chuyên môn cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không
Mẫu số 03	Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn
Mẫu số 04	Danh sách trích ngang cán bộ, nhân viên cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn
Mẫu số 05	Danh sách đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn
Mẫu số 06	Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn/ngắn hạn
Mẫu số 07	Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn
Mẫu số 08	Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn
Mẫu số 09	Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn
Mẫu số 10	Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn
Mẫu số 11	Thẻ giám sát viên an ninh hàng không
Mẫu số 12	Giấy phép thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không

Mẫu số 01. Công văn đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không

Tên đơn vị đề nghị... Name of organization -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness -----
--	---

Số (Number):...../..... ... (location), ngày (date)...tháng (month)... năm
 V/v (Subject): (year)...

.....

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)

Attn: [Name of organization receives this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không;, (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submitting the issuance airport security permit/license; we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ⁽²⁾.....

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị: ⁽³⁾

Details of request.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử của người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, etc.) of the organization that sends this letter and email address of the designated person to liaise with the organization receiving this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely,

Nơi nhận:

(Recipients)

- Như trên;

(As above)

- ...;

- Lưu ...

(Save)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and seal)”

¹ Ghi chú: nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page- seal mark must be attached.”

(2) - Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép; thời gian, địa điểm và nguyên nhân mất thẻ (nếu đề nghị cấp lại do mất thẻ, giấy phép).

- Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn có thể sử dụng mẫu văn bản của cơ quan, đơn vị đề nghị, nhưng tối thiểu có các nội dung sau: thông tin họ và tên, số điện thoại và thư điện tử của người đại diện làm thủ tục đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

- Regarding issuance of airport security permit/license, it is necessary to specifically demonstrate the reason for the request; time, location and cause of the permit/license loss (if the request for re-issuance is due to the loss of permit/license).

- Regarding the request for issuance of airport security permit/license with short-term use, the requesting organization may use other forms of letter as long as the letter contains: full name, phone number, email address of the designated person to liaise with the receiving organization.

(3) Ghi rõ đề nghị cấp mới hoặc cấp lại thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không.

Specify whether the application is for the initial issuance or re-issuance of airport security permit/license.

Mẫu số 02. Công văn đề nghị cấp giấy phép, năng định chuyên môn cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

Tên đơn vị đề nghị...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

V/v.....

..., ngày... tháng... năm...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: cấp Giấy phép, năng định chuyên môn cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không)....., (tên cơ quan/đơn vị đề nghị)..... giải trình và đề nghị như sau:

1. Nội dung giải trình:

2. Nội dung đề nghị:

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-...;

- Lưu...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: nếu công văn có từ 02 tờ trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Mẫu số 03. Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Ảnh màu
 Color photo
 04cm x 06cm
 (dấu giáp lai đóng
 kèm)
 (the joint-page-seal
 attached)

..., ngày ... tháng ... năm ...
 ..., date ... month ... year ...

Kính gửi:
 To:

TỜ KHAI CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN
(APPLICATION FOR AIRPORT SECURITY PERMIT
WITH LONG-TERM USE)

Số:¹

No:

1. Họ và tên (*Full Name*):
2. Giới tính (*Gender*):.....
3. Ngày, tháng, năm sinh (*Date of birth*): .../.../...
4. Dân tộc (*Ethnic group*):.....
5. Quê quán (*Hometown*):
6. Tôn giáo (*Religion*):
7. Quốc tịch (*Nationality*):
8. Chức vụ (*Position*):
9. Điện thoại liên lạc (*Tel*):.....
10. Chỗ ở hiện nay (*Present address*):.....
11. Số Căn cước/CCCD (*National ID card*)/ Hộ chiếu (*Passport No*):.....
12. Ngày cấp (*Date of issue*): Nơi cấp (*Place of issue*):.....
13. Tên, địa chỉ cơ quan, đơn vị hiện đang công tác (*Working place*):.....
14. Thời hạn làm việc (*Length of work*):
- 14.1. Biên chế nhà nước (*Permanent term*) ☐
- 14.2. Hợp đồng không xác định thời hạn (*Indefinite-term contract*) ☐
- 14.3. Hợp đồng xác định thời hạn (*Definite-term contract*) ☐
- Thời hạn từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...
Contract from date ... month ... year ... to date ... month ... year ...
- 14.4. Hợp đồng mùa vụ, công việc (*Seasonal Contract*) ☐

¹ Số tờ khai do đơn vị cấp thẻ ghi (for official use only).

Thời hạn từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

Contract from date ... month ... year ... to date ... month ... year ...

15. Tóm tắt lịch sử bản thân 5 năm trở lại đây (*Brief personal background for the last five years*):

Thời gian (<i>Time</i>)	Đơn vị công tác (<i>Working place</i>)	Chức vụ, công việc (<i>Positions and duties</i>)

16. Kỷ luật (*Discipline*):

17. Tiền án, tiền sự (*Previous convictions*):

18. Số thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không đã cấp (nếu có)/*Airport Security permit number (if any)*:

19. Mô tả nhiệm vụ tại khu vực hạn chế tại cảng hàng không (*Description of activities and duties at the airport/aerodrome restricted areas*):

19.1. Mức độ công việc tại khu vực hạn chế (*Frequency of activities in restricted areas*):

- Thường xuyên (*Regular*) ☐

- Không thường xuyên (*Irregular*) ☐

19.2. Công việc làm trong khu vực hạn chế (*Activities in restricted areas*)

Phục vụ hành khách, hành lý, hàng hóa (<i>Passenger, baggage and cargo handling</i>)	☐
Sửa chữa, bảo dưỡng, vệ sinh tàu bay (<i>Aircraft maintenance, repair and cleaning</i>)	☐
Cung ứng suất ăn, nhiên liệu... cho tàu bay (<i>Aircraft catering, refueling...</i>)	☐
Tuần tra, canh gác, kiểm soát an ninh tại cảng hàng không (<i>Aviation security patrol, guard and control at the airport</i>)	☐
Kiểm tra, giám sát an ninh, an toàn, khai thác tại cảng hàng không (<i>Security, safety and operation inspection, monitoring and supervision at the airport</i>)	☐
Bảo dưỡng trang thiết bị của cảng hàng không (<i>Airport equipment maintenance</i>)	☐
Kinh doanh, phục vụ trong nhà ga (<i>Providing business and services at the terminal</i>)	☐
Làm các công việc khác phục vụ chuyến bay (<i>Providing other services for flights</i>)	☐
Phục vụ chuyên cơ (<i>VVIP flights</i>)	☐
Làm thủ tục visa cho khách du lịch (<i>Assisting visa for tourists</i>)	☐
Đón, tiễn khách của cơ quan, đơn vị	☐

<i>(Welcoming and seeing off organization's visitors)</i>	
Công tác nghiệp vụ của công an, quân đội, hải quan <i>(Performing duties of the public security, army and customs)</i>	☐
Công tác nghiệp vụ của cơ quan chức năng khác <i>(Performing duties of competent authorities)</i>	☐
Sửa chữa, xây dựng công trình trong nhà ga <i>(Terminal facilities construction and repair)</i>	☐
Sửa chữa, xây dựng công trình trong cảng hàng không <i>(Airport facilities construction and repair)</i>	☐
Công việc khác <i>(Other activities)</i>	☐

19.3. Mô tả chi tiết công việc đã đánh dấu tại mục 19.2 trên *(Detailed description of the activities selected at sub-paragraph 19.2 above):*

19.4. Đề nghị được cấp vào khu vực nào *(Which area(s) do you apply for?)*:

Khu vực từ điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách đến cửa làm thủ tục lên tàu bay (khu vực cách ly) <i>(Area from the passenger security check point to the boarding gate (sterile area))</i>	☐
Khu vực sân đỗ tàu bay <i>(Aircraft parking area)</i>	☐
Khu vực đường hạ cất cánh, đường lăn <i>(Runways and taxiways)</i>	☐
Khu vực phân loại, chất xếp hành lý ký gửi đưa lên tàu bay <i>(Baggage sorting and loading area)</i>	☐
Khu vực quá cảnh, nối chuyến <i>(Transit/transfer area)</i>	☐
Khu vực phân loại, chất xếp hàng hóa bưu gửi đưa lên tàu bay <i>(Cargo and mail sorting and loading area)</i>	☐
Khu vực nhà khách phục vụ chuyến bay chuyên cơ <i>(VVIP Flight Lounges)</i>	☐
Khu vực nhận hành lý ký gửi tại ga đến <i>(Baggage reclaim area at Arrival Terminal)</i>	☐
Khu vực làm thủ tục cho hành khách đi tàu bay <i>(Passenger check-in area)</i>	☐
Khu vực tiếp nhận, lưu giữ hàng hóa, bưu gửi <i>(Cargo and mail accepting and holding area)</i>	☐
Trạm cấp điện, nước của cảng hàng không <i>(Airport/aerodrome water and electricity supply area)</i>	☐
Các khu vực khác <i>(Other areas)</i>	☐

19.5. Đề nghị cấp thẻ vào những cảng hàng không nào *Which airports do you apply for? (Specify the name of each airport):*

Nội Bài	☐	Điện Biên	☐	Cát Bi	☐	Thọ Xuân	☐
Vinh	☐	Đồng Hới	☐	Đà Nẵng	☐	Phú Bài	☐
Chu Lai	☐	Pleiku	☐	Phù Cát	☐	Tuy Hoà	☐
Cam Ranh	☐	Buôn Ma Thuột	☐	Liên Khương	☐	Côn Sơn	☐
Cần Thơ	☐	Rạch Giá	☐	Cà Mau	☐	Phú Quốc	☐
Tân Sơn Nhất	☐	Long Thành	☐	Gia Bình	☐	Vân Đồn	☐

.....	☐					
-------	--------------------------	--	--	--	--	--

20. Cam kết của người đề nghị cấp thẻ (*Applicant's declaration*):

20.1. Những lời khai trên đây của tôi là đúng sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu mọi hình thức xử lý. (*I hereby declare that the above statements are true; otherwise, I would take full responsibility and bear all forms of punishment*).

20.2. Tôi đã đọc và hiểu rõ các quy định về sử dụng thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn. Khi được cấp thẻ, tôi cam kết tuân thủ các quy định và chịu những hình thức xử phạt nếu vi phạm (*I have read and understood the regulations on the use of aviation security permit. During the use of airport security permit, I am committed to complying with the provisions and subject to sanctions for violations*).

Người khai ký và ghi rõ họ tên
(*Signature and full name of applicant*)

21. Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị người xin cấp thẻ. (*Certified by the Head of the Applicant's Organization/Unit*).

21.1. Tôi xác nhận Ông, bà: là người của cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ đúng như mô tả tại mục 19. (*I hereby certify that Mr./Mrs is our personnel who is assigned with the duties as described at paragraph 19 above*).

21.2. Tôi xác nhận đơn vị đã kiểm tra án tích tại cơ quan tư pháp, ông (bà) không có án tích; các mục từ 01 đến 20 khai là đúng sự thật. (*I confirm that the Applicant's criminal record has been verified at the Justice Agency and that Mr./Mrs has no previous convictions or offences; Statements in paragraphs from 01 to 20 are true and correct*).

Không yêu cầu doanh nghiệp phải xác nhận thông tin này khi Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính đã khai thác, sử dụng được thông tin lý lịch tư pháp trong Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

No requirement shall be imposed on organization/unit to certify or confirm information when the competent Authority can extract, use information of criminal record in Criminal Record Database.

21.3. Tôi xác nhận tất cả các nội dung trong bản khai này của ông (bà) là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu xử phạt theo quy định (*I certify that all information provided in this application are true and correct, otherwise I would take full responsibility*).

Ngày ... tháng ... năm...
(*MM/DD/YY*)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(*HEAD OF ORGANIZATION/UNIT*)
(Ký tên, đóng dấu)
(*Signature and seal*)

Ghi chú:
(*Note:*)

- Bản khai phải ghi đầy đủ tất cả các nội dung được yêu cầu trong 21 mục; nếu ghi không đầy

đủ sẽ là Bản khai không hợp lệ và không được xem xét để cấp thẻ (*All fields in paragraph 21 must be filled, otherwise the application will be rejected*).

- Mục 21.2 chỉ áp dụng đối với các đối tượng quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 6 của Thông tư này đến khi Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng được thông tin lý lịch tư pháp trong Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

(Only subjects specified at points a, b and c in clause 1, Article 6 of this Circular subjected to provisions at paragraph 21.2 for the new issuance or re-issuance under the regulations of point d clause 5 Appendix I of this Circular of airport security permits till the competent Authority extract, use information of criminal record in Criminal Record Database).

- Trường hợp có sự thay đổi về số lượng cảng hàng không thì Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh sửa đổi, bổ sung tên cảng hàng không vào mục 19.5 của mẫu Tờ khai.

(In the event of a change in the number of airports, the General Director of the Immigration Department shall amend and supplement the names of the airports in paragraph 19.5 of the Declaration Form).

Mẫu số 04. Danh sách trích ngang cán bộ, nhân viên cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn

Đơn vị.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN
CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG
tháng... năm... của cơ quan/đơn vị đề nghị.....)

Kính gửi:

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Số CC/CCCD/Hộ chiếu	Số thẻ đã cấp (nếu có)	Thời hạn đề nghị cấp	Khu vực đề nghị cấp (2)						Ghi chú
							1	2	3	4	5	6	

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

- (1) Nếu danh sách có từ 02 tờ trở lên phải đóng dấu giáp lai.
(2) Đánh dấu “x” vào khu vực đề nghị.

Mẫu số 05. Danh sách đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG
CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG NGẮN HẠN (1)

(Kèm công văn số ngày... tháng... năm... của cơ quan/đơn vị đề nghị.....)

STT	Họ và tên	Giới tính	Số giấy tờ tùy thân (2)	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ	Khu vực hạn chế hoạt động	Hạn sử dụng của thẻ kiểm soát an ninh	Ghi chú
1								
2								
3								
....								
....								
....								
....								
TỔNG CỘNG								

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

(1) Nếu danh sách có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

(2) Căn cước công dân hoặc căn cước hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư lãnh sự hoặc chứng minh thư công vụ hoặc chứng minh thư phổ thông hoặc hộ chiếu hoặc thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn.

**Mẫu số 06. Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh
cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn/ngắn hạn**

ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng ... năm ...

DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN

(Kèm theo công văn số .../... ngày ...tháng ... năm ... của (tên cơ quan/ đơn vị đề nghị...)

STT	Tên phương tiện	Biển kiểm soát (1)/Phương án nhận dạng (2)/Số khung, số máy	Thời hạn cấp	Khu vực đề nghị	Cổng vào	Cổng ra

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

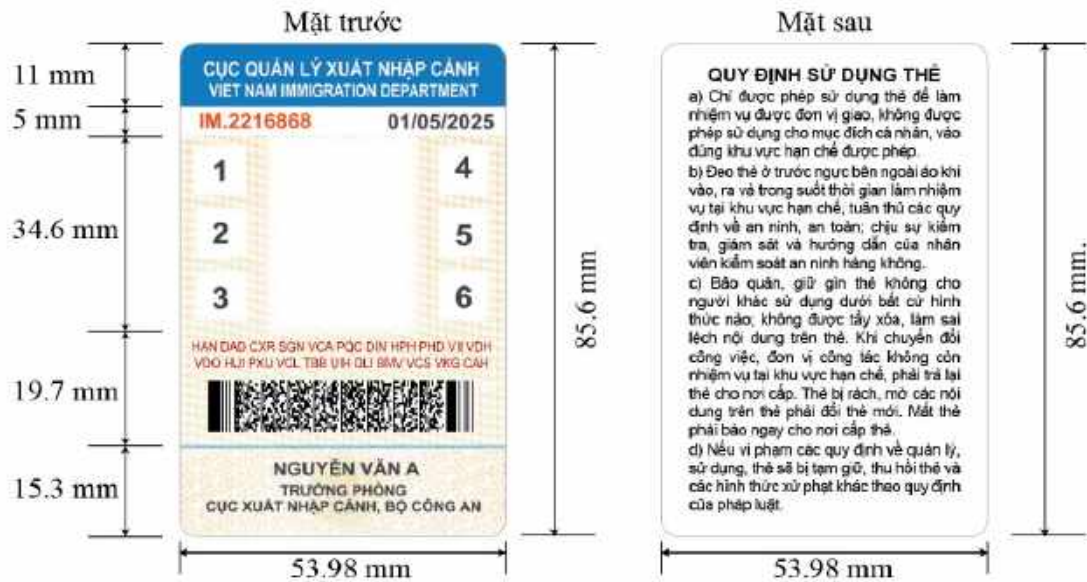
(1) Biển kiểm soát phương tiện giao thông đường bộ/biển kiểm soát của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không.

(2) Theo phương án nhận dạng và kiểm soát phương tiện tại Phương án bảo đảm an ninh, an toàn hàng không trong quá trình thi công được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Nếu danh sách phương tiện có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

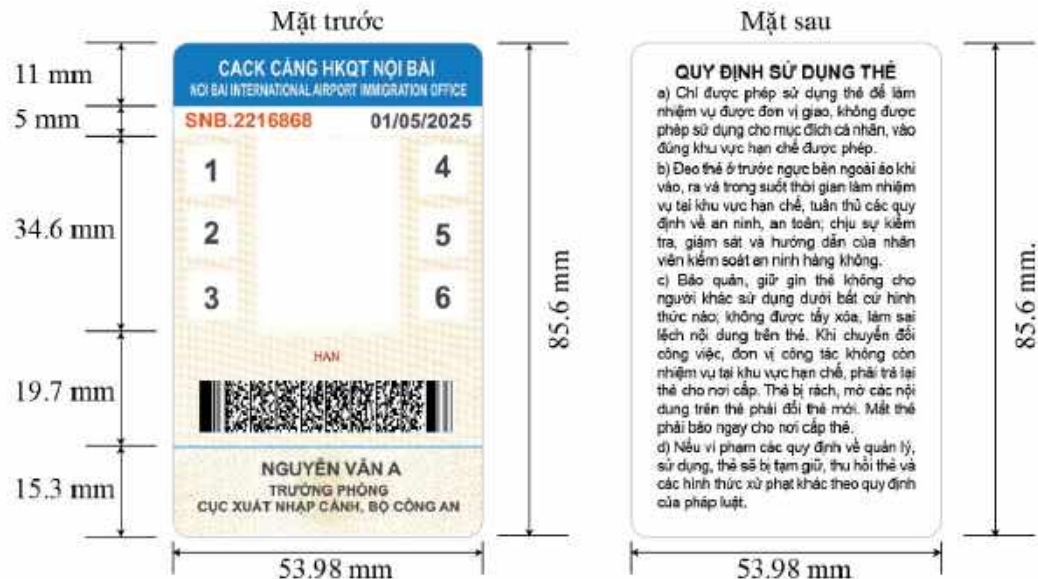
Mẫu số 07. Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn

- 1. Chất liệu:** thẻ bằng nhựa PET màu trắng, kích thước thẻ 53.98 mm x 85.6 mm.
- 2. Hình ảnh mặt trước:** Phía trên là dải màu xanh, phần chữ cơ quan cấp thẻ màu trắng; phần giữa là vân nền màu vàng cam. Phía dưới có mã BE Code chứa khuôn mặt đã mã hóa cho phép so khớp nhận diện người có thẻ bằng thiết bị. Phần dưới là vân nền màu vàng cam, logo Cục Quản lý xuất nhập cảnh in chìm; phần giữa có in các thông tin cá thể hóa.
- 3. Hình ảnh mặt sau:** Nền màu trắng, phần chữ Quy định sử dụng thẻ màu đen.
- 4. Mẫu thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không dài hạn:**

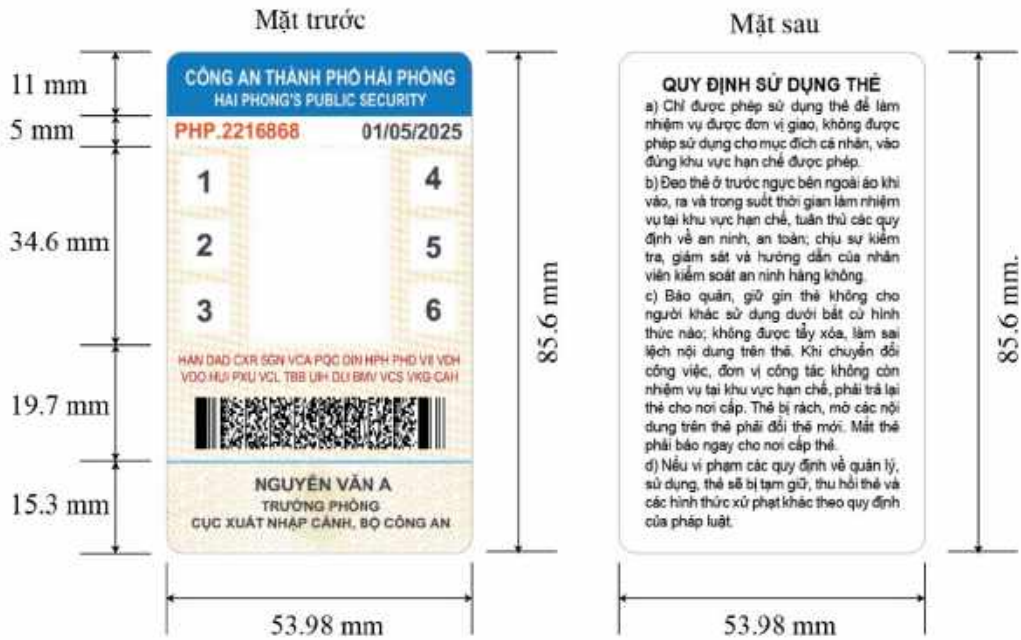
a) Cấp tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh:



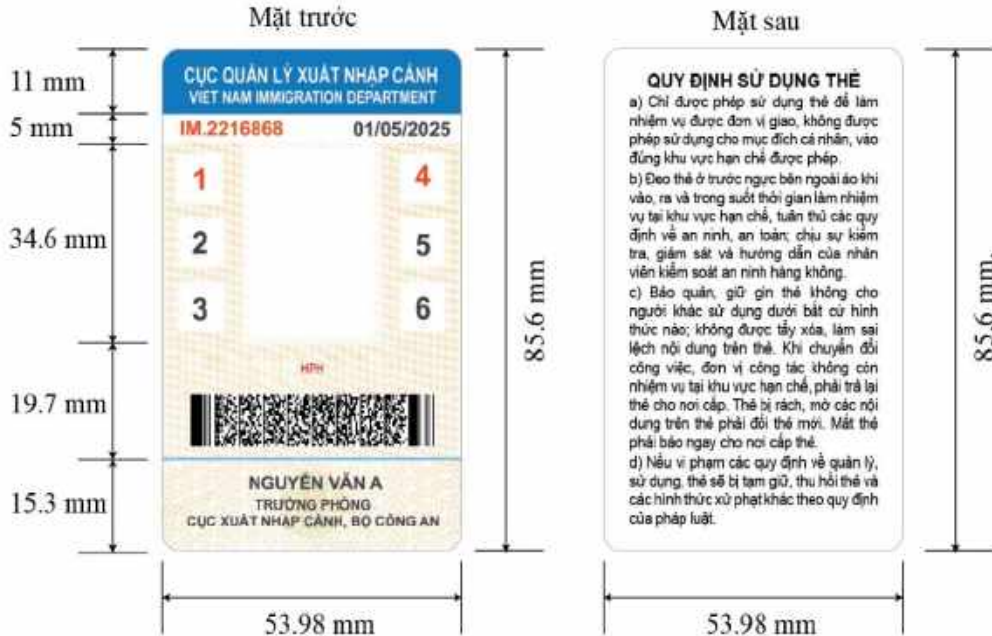
b) Cấp tại Cảng hàng không quốc tế thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh:



c) Cấp tại Công an cấp tỉnh:



5. Mẫu thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không dài hạn (phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang) - số 1, số 4 màu đỏ:



Mẫu số 08. Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn

1. Chất liệu: thẻ bằng giấy cứng, kích thước thẻ 85 mm x 95 mm.

2. Hình ảnh mặt trước: Phía trên dải màu hồng; Phần giữa là vân nền màu vàng cam. Phía trên có logo Cục Quản lý xuất nhập cảnh in chìm. Phần giữa in các thông tin cá thể hóa bằng chữ màu đen, đỏ. Phía dưới dải màu hồng có mã BE Code chứa khuôn mặt đã mã hóa cho phép so khớp nhận diện người có thẻ bằng thiết bị.

3. Hình ảnh mặt sau: Phía trên dải màu hồng; Phần giữa là vân nền màu vàng cam. Phía trên có logo Cục Quản lý xuất nhập cảnh in chìm. Phần chữ Quy định sử dụng thẻ màu đen.

4. Mẫu thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không ngắn hạn:

a) Cấp tại Cảng hàng không quốc tế thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh:



b) Cấp tại Công an cấp tỉnh:



5. Mẫu thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không ngắn hạn (phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang) - số 1 và số 4 đóng khung, chữ A lớn bên trên góc trái:



Mẫu số 09. Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn

1. Chất liệu: Giấy phép được làm bằng giấy cứng, kích thước giấy phép 165 mm x 120 mm.

2. Hình ảnh mặt trước: Phía trên dải màu hồng; Phần giữa phía bên dưới nền là hình trống đồng màu vàng cam. Phía trên có logo Cục Quản lý xuất nhập cảnh in chìm. Phần giữa in các thông tin cá thể hóa bằng chữ màu đen, đỏ. Phía dưới dải màu hồng có mã BE Code chứa thông tin kèm chữ ký số cho phép kiểm tra giấy phép bằng thiết bị.

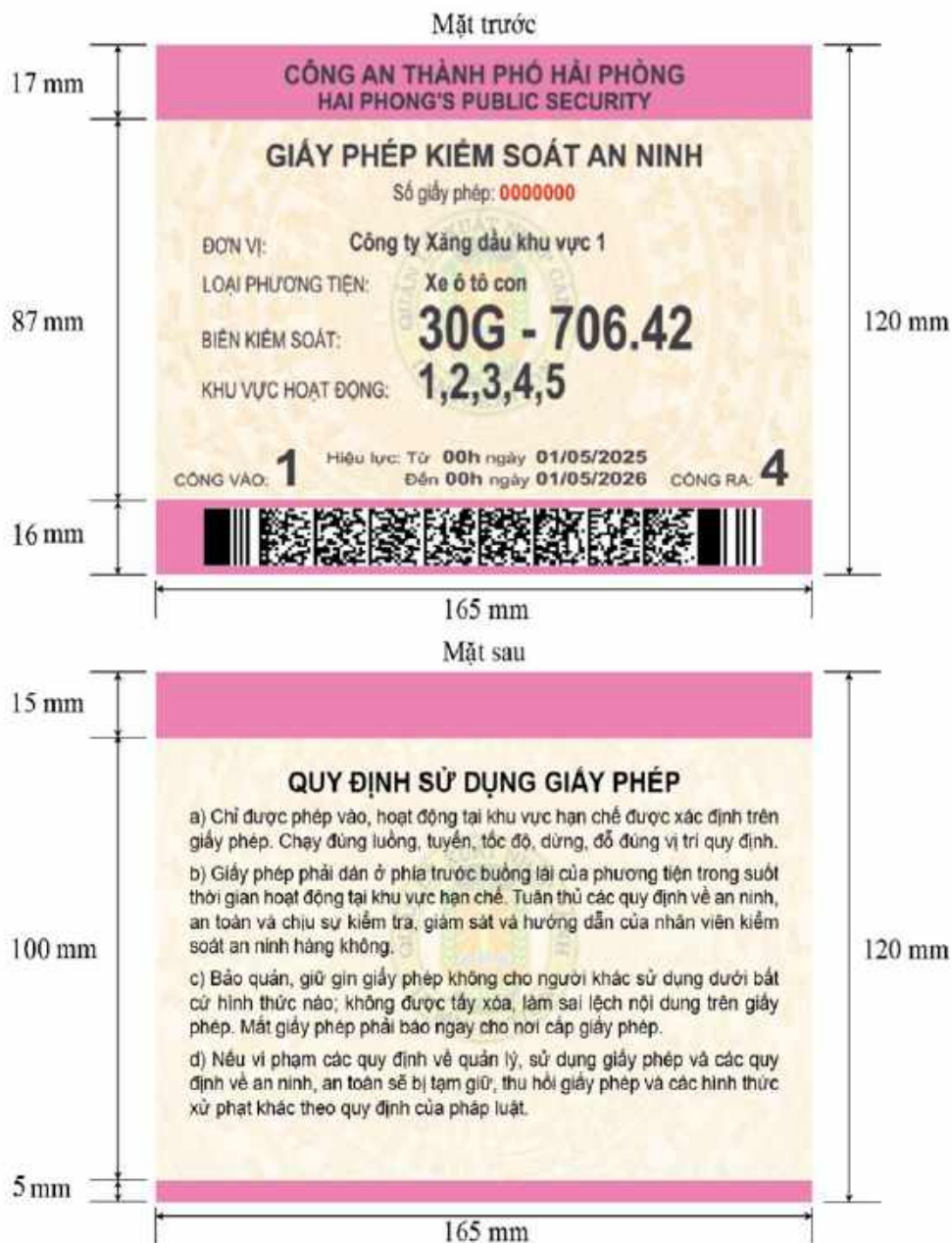
3. Hình ảnh mặt sau: Nền như mặt trước, phần chữ Quy định sử dụng giấy phép màu đen.

4. Mẫu giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không dài hạn:

a) Cấp tại Cảng hàng không quốc tế thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh.



b) Cấp tại Công an cấp tỉnh:



5. Mẫu giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không dài hạn (phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang) - số 1 và số 4 đóng khung, chữ A lớn bên trên góc trái:

Mặt trước

17 mm

87 mm

16 mm

165 mm

120 mm

CÔNG AN CỬA KHẨU CẢNG HKQT NỘI BÀI
NỘI BÀI INTERNATIONAL AIRPORT IMMIGRATION OFFICE

A **GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH**

Số giấy phép: 0000000

ĐƠN VỊ: Công ty Xăng dầu khu vực 1

LOẠI PHƯƠNG TIỆN: Xe ô tô con

BIÊN KIỂM SOÁT: 30G - 706.42

KHU VỰC HOẠT ĐỘNG: 1,2,3,4,5

CÔNG VÀO: 1 Hiệu lực: Từ: 00h ngày 01/05/2025 Đến: 00h ngày 01/05/2026 CÔNG RA: 4

Mặt sau

15 mm

100 mm

5 mm

165 mm

120 mm

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY PHÉP

a) Chỉ được phép vào, hoạt động tại khu vực hạn chế được xác định trên giấy phép. Chạy đúng luồng, tuyến, tốc độ, dừng, đỗ đúng vị trí quy định.

b) Giấy phép phải dán ở phía trước buồng lái của phương tiện trong suốt thời gian hoạt động tại khu vực hạn chế. Tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn và chịu sự kiểm tra, giám sát và hướng dẫn của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

c) Bảo quản, giữ gìn giấy phép không cho người khác sử dụng dưới bất cứ hình thức nào; không được tẩy xóa, làm sai lệch nội dung trên giấy phép. Mất giấy phép phải báo ngay cho nơi cấp giấy phép.

d) Nếu vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng giấy phép và các quy định về an ninh, an toàn sẽ bị tạm giữ, thu hồi giấy phép và các hình thức xử phạt khác theo quy định của pháp luật.

Mẫu số 10. Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn

1. Chất liệu: Giấy phép được làm bằng giấy cứng, kích thước giấy phép 165 mm x 120 mm.

2. Hình ảnh mặt trước: Phía trên dải màu xanh; Phần giữa là vân nền màu vàng cam. Phía trên có logo Cục Quản lý xuất nhập cảnh in chìm; Phần giữa in các thông tin cá thể hóa bằng chữ màu đen, đỏ. Phía dưới dải màu hồng có mã BE Code chứa thông tin kèm chữ ký số cho phép kiểm tra giấy phép bằng thiết bị.

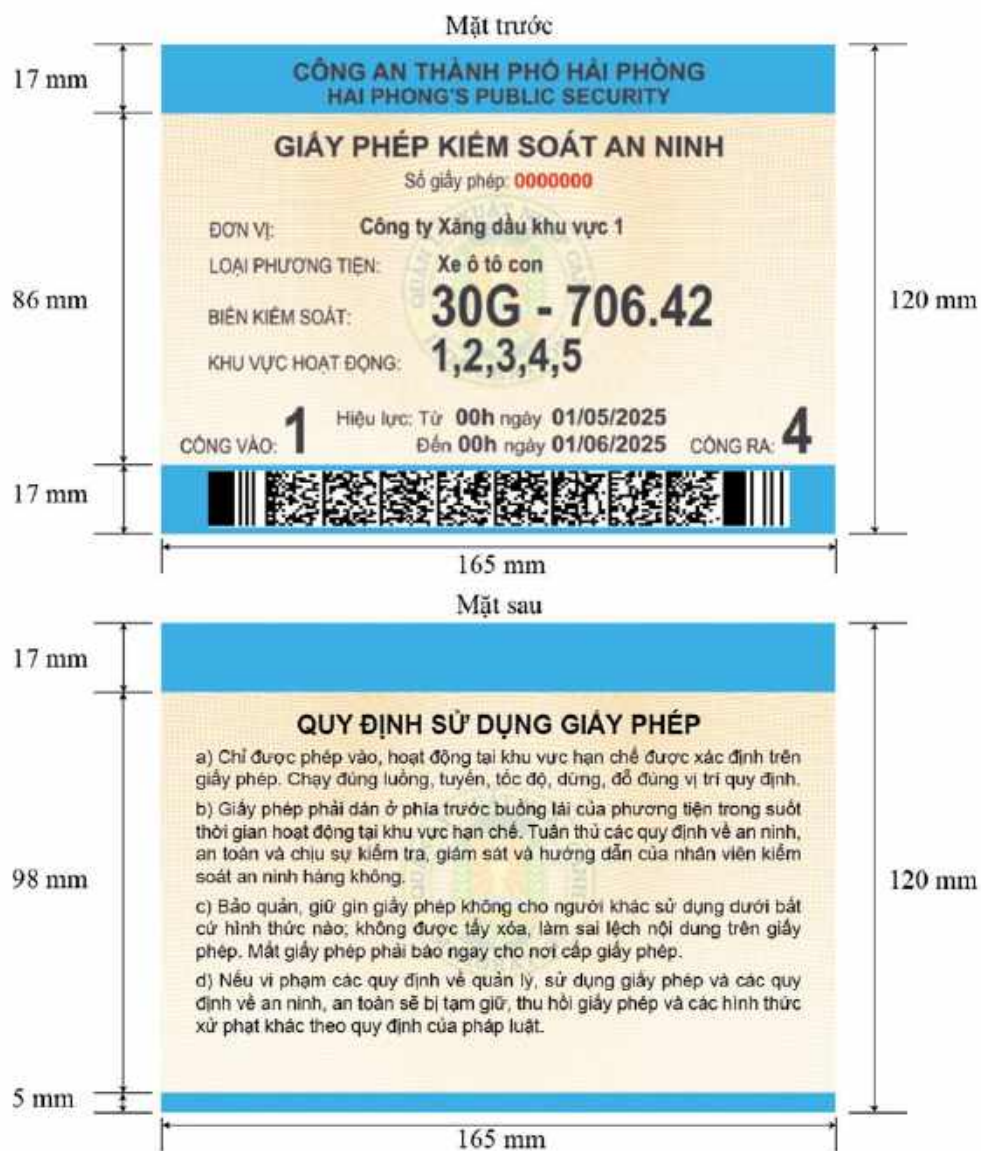
3. Hình ảnh mặt sau: Nền như mặt trước, phần chữ Quy định sử dụng giấy phép màu đen.

4. Mẫu giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không ngắn hạn:

a) Cấp tại Cảng hàng không quốc tế thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh.



b) Cấp tại Công an cấp tỉnh:



5. Mẫu giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không ngắn hạn (phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang) - số 1 và số 4 đóng khung, chữ A lớn bên trên góc trái:

Mặt trước

17 mm

86 mm

17 mm

165 mm

120 mm

Mặt sau

17 mm

98 mm

5 mm

165 mm

120 mm

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY PHÉP

a) Chỉ được phép vào, hoạt động tại khu vực hạn chế được xác định trên giấy phép. Chạy đúng luồng, tuyến, tốc độ, dừng, đỗ đúng vị trí quy định.

b) Giấy phép phải dán ở phía trước buồng lái của phương tiện trong suốt thời gian hoạt động tại khu vực hạn chế. Tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn và chịu sự kiểm tra, giám sát và hướng dẫn của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

c) Bảo quản, giữ gìn giấy phép không cho người khác sử dụng dưới bất cứ hình thức nào; không được tẩy xóa, làm sai lệch nội dung trên giấy phép. Mặt giấy phép phải bảo ngay cho nơi cấp giấy phép.

d) Nếu vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng giấy phép và các quy định về an ninh, an toàn sẽ bị tạm giữ, thu hồi giấy phép và các hình thức xử phạt khác theo quy định của pháp luật.

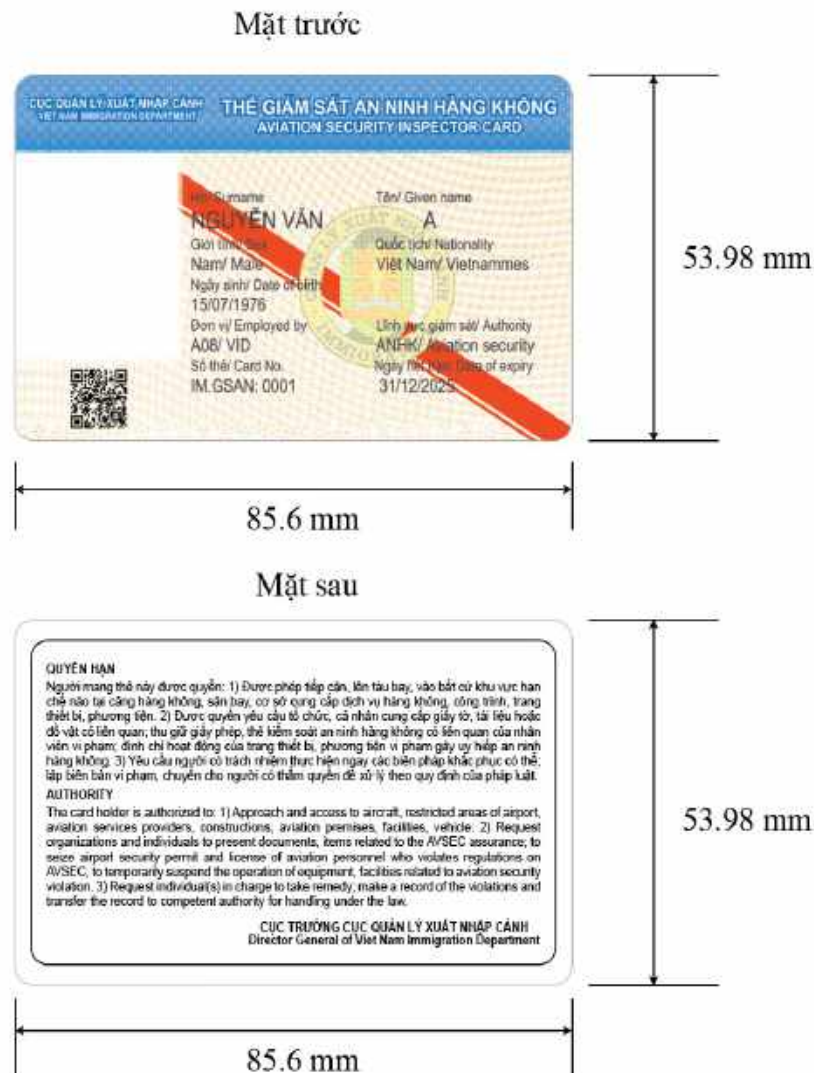
Mẫu số 11. Thẻ giám sát viên an ninh hàng không

1. Chất liệu: thẻ bằng nhựa PET màu trắng, kích thước thẻ 53.98 mm x 85.6 mm.

2. Hình ảnh mặt trước:

- Phía trên là dải màu xanh, phần chữ cơ quan cấp thẻ màu trắng;
- Phần dưới là vân nền màu vàng cam, logo Cục Quản lý xuất nhập cảnh in chìm, vạch đồ chéo, có in các thông tin cá thể hóa.
- Dưới ảnh có phần để in QR code.

3. Hình ảnh mặt sau: Nền màu trắng, phần chữ Quyền hạn của người sử dụng thẻ in màu đen.



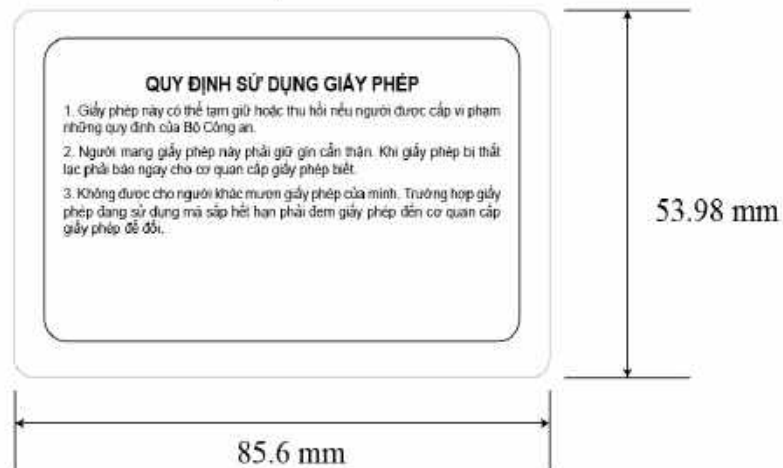
Mẫu số 12. Giấy phép thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không

1. **Chất liệu:** thẻ bằng nhựa PET màu trắng, kích thước thẻ 53.98 mm x 85.6 mm.
2. **Hình ảnh mặt trước:**
 - Phía trên là dải màu xanh, phần chữ cơ quan cấp thẻ màu trắng;
 - Phần dưới là vân nền màu vàng cam, logo Cục Quản lý xuất nhập cảnh in chìm, tên giấy phép màu đỏ, các thông tin cá thể hóa màu đen;
 - Dưới ảnh có phần để in QR code.
3. **Hình ảnh mặt sau:** Nền màu trắng, phần chữ Quy định sử dụng giấy phép in màu đen.

Mặt trước



Mặt sau



PHỤ LỤC II
THÔNG TIN CƠ BẢN TRÔNG THẺ, GIẤY PHÉP
KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG CÓ
GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN, NGẮN HẠN

(Kèm theo Thông tư số 115/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)

1. Tên cơ quan, đơn vị cấp thẻ:

- Thẻ cấp tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh:

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

VIET NAM IMMIGRATION DEPARTMENT

- Thẻ cấp tại Công an cửa khẩu thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh:

CÔNG AN CỬA KHẨU CẢNG HKQT

INTERNATIONAL AIRPORT IMMIGRATION OFFICE

- Thẻ cấp tại Công an cấp tỉnh:

“CÔNG AN TỈNH/THÀNH PHỐ...”

.....’S PUBLIC SECURITY

2. Ký hiệu đơn vị cấp thẻ:

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KÝ HIỆU ĐƠN VỊ CẤP THẺ
1	Cục Quản lý xuất nhập cảnh	IM
2	Công an cửa khẩu CHKQT Nội Bài	SNB
3	Công an cửa khẩu CHKQT Đà Nẵng	SDN
4	Công an cửa khẩu CHKQT Cam Ranh	SCR
5	Công an cửa khẩu CHKQT Tân Sơn Nhất	STS
6	Công an cửa khẩu CHKQT Phú Quốc	SPQ
7	Công an tỉnh Điện Biên	PDB
8	Công an tỉnh Quảng Ninh	PQN
9	Công an TP Hải Phòng	PHP
10	Công an tỉnh Thanh Hóa	PTH
11	Công an tỉnh Nghệ An	PNA
12	Công an tỉnh Quảng Trị	PQT
13	Công an TP Huế	PHU
14	Công an tỉnh Gia Lai	PGL

15	Công an TP Đà Nẵng	PĐN
16	Công an tỉnh Lâm Đồng	PLD
17	Công an tỉnh Đắk Lắk	PDL
18	Công an TP Cần Thơ	PCT
19	Công an TP Hồ Chí Minh	PHM
20	Công an tỉnh An Giang	PAG
21	Công an tỉnh Cà Mau	PCM
22	Ký hiệu đơn vị cấp thẻ mới thành lập hoặc thay đổi do tách, sáp nhập địa giới hành chính do Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh quy định.	

3. Số thẻ, giấy phép:

Số thẻ đối với thẻ PET gồm ký hiệu đơn vị cấp thẻ và dãy số bắt đầu bằng 0000001. Số thẻ, giấy phép là số sê-ri đối với các phối thẻ, giấy phép đã có sẵn số sê-ri.

4. Ký hiệu khu vực hạn chế:

- Số 1: khu vực sân đỗ tàu bay, đường hạ cất cánh, đường lăn và các khu vực khác trong sân bay;

Số 1 màu đỏ hoặc đóng khung được phép vào khu vực tàu bay chuyên cơ;

- Số 2: Khu vực hạn chế ga đi quốc tế bao gồm khu vực cách ly, các khu vực hạn chế khác của ga đi quốc tế;

- Số 3: Khu vực hạn chế ga đi nội địa bao gồm khu vực cách ly, các khu vực hạn chế khác của ga đi nội địa;

- Số 4: Khu vực nhà khách chuyên cơ trong những thời gian không có chuyến bay chuyên cơ;

Số 4 màu đỏ hoặc đóng khung phục vụ chuyến bay chuyên cơ;

- Số 5: Khu vực hạn chế ga đến nội địa, quốc tế (Khu vực băng chuyền hành lý và các khu vực hạn chế khác tại ga đến quốc nội, quốc tế);

- Số 6: Khu vực xử lý, phân loại hàng hóa, bưu gửi trong nhà ga hàng hóa.

5. Ký hiệu cảng hàng không được phép vào hoạt động: Ghi theo quy ước của IATA tên cảng hàng không.

6. Thời hạn hiệu lực của thẻ, giấy phép.

7. Họ và tên, chức vụ, tên cơ quan, đơn vị, ảnh chân dung của người được cấp thẻ đối với thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn.

8. Họ và tên, đơn vị, số giấy tờ tùy thân của người được cấp thẻ đối với thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn.

9. Loại phương tiện, biển kiểm soát phương tiện; tên cơ quan, đơn vị chủ quản của phương tiện, cổng ra, cổng vào đối với giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn.

Phụ lục III
HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ, GIẤY PHÉP
KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG

*(Kèm theo Thông tư số 115/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)*

1. Hồ sơ đề nghị cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách trích ngang theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn (trừ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không) theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Thông tư này có dán ảnh màu kích thước 04cm x 06cm, nếu là bản giấy phải đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, đầu và vai thẳng để khuôn mặt chiếm từ 70% đến 80% ảnh, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

(3) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức đã lập bản chính sao y hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản điện tử tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp, trừ trường hợp là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không.

Không yêu cầu doanh nghiệp phải nộp thành phần hồ sơ này khi các cơ quan quản lý nhà nước đã hoàn thành việc kết nối, sử dụng được dữ liệu thông tin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

(4) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử).

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn

a) Trường hợp cấp lại do thẻ hết thời hạn sử dụng:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách trích ngang theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn (trừ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không) theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, có dán ảnh màu kích thước 04cm x 06cm, nếu là bản giấy phải đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, đầu và vai thẳng để khuôn mặt

chiếm từ 70% đến 80% ảnh, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

(3) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử).

b) Trường hợp cấp lại do thẻ còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách trích ngang theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử).

(3) Nộp lại thẻ bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật.

c) Trường hợp cấp lại do bị mất thẻ:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách trích ngang theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử);

(3) Văn bản giải trình của người đề nghị cấp về thời gian, địa điểm và nguyên nhân mất thẻ có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

d) Trường hợp cấp lại do thay đổi vị trí công tác khác không cùng cơ quan, đơn vị công tác cũ:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách trích ngang theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, có dán ảnh màu kích thước 04cm x 06cm, nếu là bản giấy phải đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, đầu và vai thẳng để khuôn mặt chiếm từ 70% đến 80% ảnh, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

(3) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức đã lập bản chính sao y hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản điện tử tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp, trừ trường hợp là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không;

Không yêu cầu doanh nghiệp phải nộp thành phần hồ sơ này khi các cơ quan quản lý nhà nước đã hoàn thành việc kết nối, sử dụng được dữ liệu thông tin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

(4) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử).

đ) Trường hợp cấp lại do thay đổi vị trí công tác khác cùng cơ quan, đơn vị công tác cũ:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách trích ngang theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, có dán ảnh màu kích thước 04cm x 06cm, nếu là bản giấy phải đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, đầu và vai thẳng để khuôn mặt chiếm từ 70% đến 80% ảnh, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

(3) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử).

3. Hồ sơ cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn

Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách trích ngang theo Mẫu số 05 Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

4. Hồ sơ cấp mới Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn

Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

5. Hồ sơ cấp lại Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn

a) Trường hợp cấp lại do giấy phép hết thời hạn sử dụng:

Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

b) Trường hợp cấp lại do giấy phép còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép

kiểm soát an ninh cảng hàng không theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) Nộp lại giấy phép bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật.

c) Trường hợp cấp lại do bị mất giấy phép:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) Văn bản giải trình của người đề nghị cấp về thời gian, địa điểm và nguyên nhân mất giấy phép có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

6. Hồ sơ cấp Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn

Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Phụ lục IV
HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP, PHỤC HỒI NĂNG ĐỊNH
ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CHIẾN SĨ, NHÂN VIÊN
KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG

*(Kèm theo Thông tư số 115/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)*

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không lần đầu

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) Bản sao có chứng thực hoặc nộp bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc nộp bản sao điện tử có chứng thực (đối với trường hợp nộp hồ sơ trên môi trường điện tử) văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp;

(3) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử) kích thước 03cm x 04cm (chụp trên phông nền màu trắng, đầu và vai thẳng để khuôn mặt chiếm từ 70% đến 80% ảnh, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ)."

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không đã hết thời hạn hiệu lực, mất, hỏng bao gồm:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử), kích thước 03cm x 04cm (chụp trên phông nền màu trắng, đầu và vai thẳng để khuôn mặt chiếm từ 70% đến 80% ảnh, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ).

3. Hồ sơ đề nghị gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không:

(1) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

(2) Bản sao hoặc bản sao điện tử kết quả huấn luyện định kỳ phù hợp với năng định đề nghị cấp lại, phục hồi;

(3) Bản sao xuất trình bản chính văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp để đối chiếu hoặc nộp bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp hoặc nộp bản sao điện tử có chứng thực (đối với trường hợp nộp trên môi trường điện tử) văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp (trường hợp bổ sung năng định).